TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC TRỌNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/8/2022

V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG – TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mậu Thế

2. Ông Nguyễn Minh Khang

***Thư ký phiên toà*:** Bà Lường Thị Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 57/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Thị Anh Đ, sinh năm: 1998;

Địa chỉ: Số nhà X, thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Lê Văn G, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: Số nhà X, thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Tô Thị Ánh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn G kết hôn vào tháng 10 năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vả. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn G.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Bảo A, sinh ngày 08/11/2018. Hiện con đang sống với ông G. Khi ly hôn, bà đồng ý giao con cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng. Bà cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Lê Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Tô Thị Ánh Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào tháng 10 năm 2018, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại số nhà X, thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay ông xác định ông vẫn còn tình cảm với bà Đ nên ông đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về chung sống.

Về con chung: Ông và bà Đ có 01 con chung tên là Lê Bảo A, sinh ngày 08/11/2018. Nếu ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên. Bà Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng ông đồng ý nhận để lo cho con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử là đúng quy định. Việc tuân

theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ làm cho vụ án kéo dài thời gian giải quyết.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Ánh Đ, xử cho bà Đ được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Bảo An, sinh ngày 08/11/2018 cho ông Lê Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Tô Thị Ánh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng cho đến ngày con thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Tô Thị Ánh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn"*. Bị đơn ông Lê Văn Đ cư trú tại thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Văn G vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lê Văn G.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Tô Thị Ánh Đ và ông Lê Văn G đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 22/10/2018, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông G là hợp pháp. Theo bà Đ cuộc sống chung xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả, hiện hai bên đã ly thân. Bà Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông G. Ông G xác định cuộc sống chung vợ chồng có mâu thuẫn do không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung, tuy nhiên ông vẫn còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu đoàn tụ gia đình. Như vậy có thể nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà Đ và ông G đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, ông G yêu cầu đoàn tụ

nhưng thời gian qua ông G không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Tô Thị Ánh Đ.

[4] Về con chung: Bà Đ và ông G có 01 con chung tên là Lê Bảo A, sinh ngày 08/11/2018. Khi ly hôn, bà Đ giao con chung cho ông G nuôi dưỡng, ông G đồng ý nuôi dưỡng con chung. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao con Lê Bảo A cho ông Lê Văn G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thỏa thuận của hai bên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2022 cho đến ngày con chung thành niên, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

[6] Về tài sản chung: Bà Đ và ông G trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về nợ chung: Bà Đ và ông G xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Ánh Đ về việc *"Ly hôn"* đối với ông Lê Văn G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị Ánh Đ được ly hôn với ông Lê Văn G.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Bảo A, sinh ngày 08/11/2018 cho ông Lê Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày con thành niên.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Tô Thị Ánh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2022 cho đến ngày con chung thành niên, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Buộc bà Tô Thị Ánh Đ phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0007228 ngày 11/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Tô Thị Ánh Đ còn phải nộp số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí.

5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (số 48 ngày 22/10/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trần Thị Hằng